TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 740/2021/HN-PT
Ngày: 27-12-2021.
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

2/ Bà Đoàn Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2021/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1408/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 694/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tố M; sinh năm 1976; Địa chỉ: 04 Đường số 7, Khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Hồng K, sinh năm 1975; Địa chỉ: 11/73 khu phố Bình Đường 4, phường AB, huyện DA, tỉnh BD (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TNHH MTV SH; Địa chỉ: 138-142 Hai Bà Trưng, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng và Gao thông HG; Địa chỉ: 245 Hậu Giang, Phường R, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Người tham gia tố tụng khác:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tuấn L; Địa chỉ: 44 Bis Phan Liêm, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TNHH MTV SH: Ông Đinh Xuân Hiệp, sinh năm 1981; Địa chỉ: 138-142 Hai Bà Trưng, phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lưu Xuân H, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Miền Đông, Chi nhánh DA, thuộc đoàn luật sư tỉnh BD (có mặt).

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Dương Hồng K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày, các bản tự khai của nguyên đơn trình bày:

Bà M và Ông Trương Hồng K đã ly hôn và đã được giải quyết con chung, tài sản chung theo Bản án số 31/2010/HNGĐ-ST ngày 20/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện DA, tỉnh BD. Sau khi chia tài sản xong, bà đã mua căn nhà số 23/13 đường D2 cư xá Văn Thánh Bắc, Phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hộ khẩu về ở căn nhà này. Trong thời gian sống ở đây, bà và ông K có quay về sống chung với nhau nhưng không nhập tài sản chung tài sản đã chia trước đó vào khối tài sản chung.

Năm 2015, bà bán căn nhà số 23/13 đường D2 cư xá Văn Thánh Bắc, Phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận chuyển nhượng thửa đất số 112, tờ bản đồ số 42, bộ địa chính phường AP (theo tài liệu năm 2002 của bà Nguyễn Thị Ngọc D với giá 6,2 tỉ đồng. Cụ thể, về nguồn gốc tạo lập nhà đất này như sau:

Ngày 24/7/2015, bà đặt cọc cho bà D số tiền 500 triệu đồng bằng tiền mặt có người làm chứng. Đến ngày 05/8/2015, bà chuyển bằng tiền mặt vào tài khoản của bà D với số tiền 3,1 tỉ đồng bằng tiền cá nhân của bà. Cùng ngày, bà cùng Ông Trương Hồng K đứng ra vay chung số tiền 3 tỉ đồng, mục đích vay để thanh toán cho bên bán hợp đồng mua bán số 000009244 ngày 05/8/2015. Số tiền này được giải ngân để trả trực tiếp vào tài khoản bên bán là Nguyễn Thị Ngọc D.

Sau khi mua xong phần đất này, bà và bà D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 000009244 ngày 05/8/2015 và đến ngày 10/8/2015 được cập nhật sang tên Phạm Thị Tố Mai.

Bà và ông K tiếp tục vay ngân hàng MB, số tiền 1,3 tỉ đồng (theo hợp đồng tín dụng số 30950.15.151.2394925.TD ngày 19/11/2015, ngày 29/3/2016) và 1,6 tỉ đồng (theo hợp đồng tín dụng số LD 6797.16.157.239425.TD ngày 28/3/2016) để trả một phần tiền xây dựng nhà. Sau khi xây dựng xong, ngày 21/6/2016, Sở

Tài nguyên và Môi trường cập nhật bổ sung đối với quyền sở hữu nhà ở và cập nhật quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bà Phạm Thị Tố M thành của chung Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M.

Từ lúc vay cho đến khi tất toán khoản vay cho ngân hàng quân đội, chi nhánh AP. Toàn bộ tiền gốc và lãi đều do một mình bà thanh toán từ tài khoản cá nhân.

Ngày 21/9/2017, bà tiếp tục vay ngân hàng SH Việt Nam số tiền 6 tỉ đồng. Vì trên giấy chứng nhận vẫn có tên ông K nên bà có nhờ ông K ký hợp đồng tín dụng tiếp với ngân hàng Shinhan. Hợp đồng này được giải ngân và hiện nay chưa tất toán. Khoản tiền này cũng do một mình bà thanh toán từ tài khoản cá nhân.

Nay tại Tòa, bà đề nghị Tòa án công nhận phần nhà đất tọa lạc tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của Bà Phạm Thị Tố M.

Về phần nợ với ngân hàng SH Việt Nam: Do bà chỉ nhờ ông K đứng ra vay nên bà xác nhận bà sẽ trả hết khoản vay tại Ngân hàng TNHH Một thành viên SH Việt Nam.

Bị đơn Ông Trương Hồng K trình bày:

Ông và bà M là vợ chồng đã ly hôn năm 2010 có 01 con chung là Trương Minh C, sinh năm 2004. Sau khi ly hôn, vợ chồng bà quay lại sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn lại, có thêm 01 con chung là Trương Minh T, sinh năm 2014.

Ông và bà M là những người làm ăn kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, để thuận lợi cho việc giao dịch ông thường để bà M đứng tên một mình, chỉ khi đi bán thì 02 vợ chồng cùng đi ký bán. Đối với căn nhà 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc, cụ thể là: Tháng 8/2015, ông K cùng bà M nhận chuyển nhượng 100m2 đất thuộc thửa 112 tờ bản đồ số 42 phường AP Quận A của bà Nguyễn Thị Ngọc D bằng tiền tiết kiệm và tiền vay Ngân hàng MB. Sau khi mua đất xong, tiếp tục vay ngân hàng MB tiền để xây nhà. Tháng 5/2016, sau khi xây nhà xong, Bà Phạm Thị Tố M đi làm thủ tục hoàn công và cập nhật biến động, đồng thời bà M đã cập nhật tên ông là đồng chủ sở hữu. Bà M là người chuyên mua bán bất động sản nên những quy định về mua bán, cập nhật biến động. Bà M là người hiểu rõ nhất. Tài sản chung được thể hiện rõ và được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất số CT43455 ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cập nhật các ngày 21/6/2016, 22/9/2017 đều nêu rõ chủ sở hữu là Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M.

Việc bà M cho rằng nhà đất trên là tài sản riêng của bà là hoàn toàn không đúng sự thật. Do đó, ông yêu cầu Tòa án bác yêu cầu của bà M, công nhận nhà

đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và Bà Phạm Thị Tố M.

Ngày 10/12/2019, ông có yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và Bà Phạm Thị Tố M.

- Yêu cầu Tòa án giao con chung tên Trương Minh T, sinh năm 2014 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao cho Bà Phạm Thị Tố M nuôi dưỡng con chung tên là Trương Minh C, sinh năm 2004. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Yêu cầu Tòa án công nhận nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và Bà Phạm Thị Tố M.

Buộc Bà Phạm Thị Tố M phải trả cho ông K số tiền 13,5 tỉ đồng là khoản tiền ông nộp vào Công ty TNHH tư vấn thiết kế xây dựng và Giao thông HG để góp vốn cùng bà M mua bất động sản.

- Về nợ chung: Khoản nợ tại Ngân hàng SH Việt Nam Bank, ông cùng bà M đứng tên vay nên ông đồng ý cùng bà M trả nợ. Tuy nhiên, sau khi Ngân hàng giải ngân thì bà M là người trực tiếp nhận toàn bộ số tiền vay của Ngân hàng là 6 tỉ đồng. Hiện tại bà M trả cho Ngân hàng được bao nhiêu ông cũng không rõ. Do đó, ông yêu cầu bà M trả lại cho ông ½ số tiền đã vay của Ngân hàng để ông trả lại cho ngân hàng. Trường hợp bà M đã trả hết khoản vay này thì ông không có yêu cầu gì từ khoản vay này.

Đối với yêu cầu phản tố của ông K thì bà M có ý kiến như sau:

Về yêu cầu không công nhận vợ chồng thì bà M đồng ý, vì bà M và ông K sau khi ly hôn có quay lại sống chung nhưng không đăng ký kết hôn.

Đối với con chung: Từ khi sinh con đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc con và không ngăn cản ông K chăm sóc con chung. Từ khi hai người xảy ra mâu thuẫn, ông K không chu cấp nuôi con cho bà. Nay ông K lại yêu cầu nuôi con bà không đồng ý.

Về tài sản: Nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà. Bà xác định ông K cùng bà đứng ra vay tiền của Ngân hàng QĐ để gia tăng hạn mức và bà có làm thủ tục để ông K cùng đứng tên trên giấy chứng nhận, tuy nhiên sau khi vay Ngân hàng, ông K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng mà chỉ một mình bà phải trả lãi và toàn bộ gốc cho Ngân hàng, do đó, ông K không có quyền gì về tài sản trong căn nhà này nữa.

Về khoản vay của Ngân hàng SH Việt Nam là 6 tỉ đồng được dùng để tất toán khoản vay nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ tiền vay mua đất, xây nhà, sắm trang thiết bị nhà số 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A

(nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà thì khoản vay này bà M có trách nhiệm trả số tiền vay này.

Việc ông K yêu cầu bà thanh toán số tiền 13,5 tỉ đồng thì bà không đồng ý. Ông K nộp tiền vào Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Giao thông HG thì liên hệ công ty đó để đòi lại, bà không có kinh doanh hộ Ông Trương Hồng K. Bà không biết gì về số tiền này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng TNHH MTV SH có người đại diện là ông Đinh Xuân H trình bày:

Tháng 9/2017, ông K và bà M có đến Ngân hàng SH xin vay vốn, khoản vay có đảm bảo bằng tài sản thế chấp là nhà và đất ở tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 43445 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2015, cập nhật biến động ngày 22/9/2017. Sau khi xem xét hồ sơ xin vay vốn, Ngân hàng tiến hành thẩm định khả năng trả nợ và tài sản thế chấp chi tiết như sau:

Về khả năng trả nợ: Tại thời điểm tháng 9/2017, thu nhập để trả khoản nợ vay đươc khách hàng cung cấp và Ngân hàng xác minh từ lương của ông K với mức bình quân hàng tháng là 12.883.000 đồng, lương của bà M là bình quân hàng tháng là 28.015.000 đồng, cho thuê tài sản mỗi tháng 62.500.000 đồng và thu nhập hàng tháng từ viêc kinh doanh (Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thiết bị Sài gòn) là 16.488.000 đồng. Mức thu nhập này sau khi trừ chi phí sinh hoạt còn lại vừa đủ để trả khoản vay hàng tháng.

Về tài sản thế chấp: Là nhà và đất ở tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 43445 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2015, cập nhật biến động ngày 22/9/2017 với diện tích đất ở được công nhận là 100m2 và căn nhà cấp 3 có diện tích sàn xây dựng là 377 m2 được Ngân hàng và khách hàng thống nhất định giá là 9.570.000.000 đồng tại thời điểm ngày 20/9/2017.

Với các thông tin trên, ngân hàng và khách hàng đã ký kết:

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RLC/2017/HDTD-572A ngày 22/9/2017; Hạn mức tín dụng là 3,8 tỉ đồng. Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất: 8,6%/năm (trên cơ sở 360 ngày/năm) hoặc 8,2%/năm (trên cơ sở 365 ngày/năm) cố định 36 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: Mua đất.

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RLC/2017/HDTD-572 ngày 22/9/2017; Hạn mức tín dụng là 2,120 tỉ đồng. Thời hạn vay: 240 tháng. Lãi suất: 8,6%/năm (trên cơ sở 360 ngày/năm) hoặc 8,71%/năm (trên cơ sở 365 ngày/năm) cố định

36 tháng, sau đó sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng tín dụng. Mục đích vay: Sửa nhà.

Hợp đồng thế chấp số SHBVN/RLC/2017-572 ngày 21/9/2017, được công chứng bởi Văn phòng công chứng Bến Nghé (số công chứng 016631), đã hoàn tất đăng ký thế chấp ngày 22/9/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Quận A.

Ngày 22/9/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng tổng số tiền 6 tỉ đồng.

Hiện nay, hợp đồng tín dụng đang được tuân thủ nên Ngân hàng không có căn cứ thu hồi nợ trước hạn hoặc xử lý tài sản đảm bảo. Do đó, Ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, cũng không có yêu cầu xử lý khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp. Ngân hàng có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tại thời điểm thế chấp cho Ngân hàng, tài sản thế chấp đứng tên ghi nhận đây là tài sản chung của ông K và bà M. Ngân hàng nhận thấy đây là tài sản chung của ông K và bà M, Ngân hàng cũng đã nhận thế chấp để đảm bảo khoản vay chung của ông K và bà M.

Đối với khoản vay trong các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã tiến hành thẩm định và cho vay trên cơ sở đơn đề nghị vay vốn của ông K và bà M cũng như thông tin về nguồn thu nhập, về chi phí sinh hoạt gia đình. Qua đó, hồ sơ vay thể hiện rằng nguồn thu nhập đảm bảo khả năng trả nợ là chung của ông K và bà M. Ngân hàng không cấp tín dụng riêng cho bà M nên việc bà M yêu cầu nhận riêng nghĩa vụ thanh toán đối với khoản nợ trên là không đảm bảo, có khả năng xảy ra nợ xấu ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng.

Từ trước đến nay, thì trên ghi chú chuyển trả tiền cho Ngân hàng do một mình bà M thực hiện thông qua tài khoản cá nhân của bà M. Trong trường hợp căn nhà được giao cho một trong hai người thì đề nghị Tòa án cân nhắc xem xét hậu quả của việc trong trường hợp một trong các bên không thanh toán được nợ thì Ngân hàng buộc phải xử lý tài sản đảm bảo là nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh sẽ dẫn đến bên được nhận nhà phải gánh chịu nghĩa vụ cho bên còn lại.

Ngày 27/4/2021, Ông Trương Hồng K có đơn rút 01 phần yêu cầu phản tố yêu cầu bà M thanh toán số tiền 13,5 tỉ đồng mà ông đã nộp vào Công ty TNHH Tư vấn thiết kế và Giao thông HG.

Tại bản án sơ thẩm số 1408/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Tố M.

Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của Bà Phạm Thị Tố M.

(Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 43445 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2015, cập nhật biến động ngày 22/9/2017 cấp cho Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M và đã thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M đã giao kết với Ngân hàng SH Việt Nam theo hồ sơ số 27436.113648.TC.CVP).

Bà Phạm Thị Tố M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng SH Việt Nam số tiền nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà Phạm Thị Tố M còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì cho Ngân hàng Shinhan được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi các khoản nợ.

Trường hợp bà M thanh toán hết nợ mà không phải thực hiện việc phát mãi nhà và đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng SH Việt Nam có nghĩa vụ trả cho Bà Phạm Thị Tố M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cùng các giấy tờ liên quan mà Ngân hàng SH Việt Nam đang giữ theo hợp đồng thế chấp như đã nêu ở trên và thực hiện thủ tục xóa thế chấp cho tài sản.

Sau khi trả xong các khoản nợ, Bà Phạm Thị Tố M được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động (sang tên Bà Phạm Thị Tố M) theo quy định.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của Ông Trương Hồng K.

+ Không công nhận Bà Phạm Thị Tố M và Ông Trương Hồng K là vợ chồng.

+ Con chung: Giao con chung Trương Minh T, sinh ngày 08/4/2014 cho Bà Phạm Thị Tố M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để

cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

+ Tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc xác định tài sản chung (mỗi người 50/50 giá trị) đối với nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đình chỉ yêu cầu buộc bà M thanh toán số tiền 13,5 tỉ đồng mà ông đã nộp vào tài khoản công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Giao thông HG.

Các bên thi hành trực tiếp hoặc tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự.

Ngày 04/6/2021, Ông Trương Hồng K kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm số 1408/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao con chung là Trương Minh T, sinh ngày 08/4/2014 cho Ông Trương Hồng K trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M thực hiện cấp dưỡng nuôi con; cộng nhận nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông và Bà Phạm Thị Tố M;

Ngày 04/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TPHCM ra kháng nghị số 262/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 1408/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung kháng nghị: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét công sức đóng góp của ông Dương Hồng K là chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 210, 213 Bộ luật dân sự 2015, Điều 16, 33, 34 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 18/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ nội dung tại Quyết định kháng nghị nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của ông K. Thứ nhất là ông K yêu cầu giao con chung là Trương Minh T, sinh ngày 08/4/2014 cho Ông Trương Hồng K trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu bà M thực hiện cấp dưỡng nuôi con, bởi vì: Ông K và bà M có 02 con trai chung nên để công bằng thì mỗi

người nuôi 01 con chung. Thu nhập của ông K mỗi tháng gồm có lương 15 triệu đồng/tháng và các thu nhập khác hơn 30 triệu đồng/tháng. Ông K có nơi ở ổn định, có cha mẹ ông K phụ ông K chăm sóc tốt hơn, yêu cầu Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông K về con chung. Thứ hai, ông K kháng cáo đối với nhà đất tại tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của ông K là xác định đây là tài sản chung của ông K và bà M, lý do ông K và bà M làm ăn chung, năm 2015 ông K mua đất của bà D với giá 6,2 tỷ. Nguồn tiền là do ông K bán đất ở TA, BD với giá 1.950.000.000 đồng. Sau khi bán đất xong, ông K đưa toàn bộ số tiền này bằng tiền mặt cho bà M để đặt cọc mua lô đất này, cộng với số tiền vay của MB Bank là 3 tỉ đồng để thanh toán tiền mua đất này. Vì đã xem nhau là vợ chồng và đã mua bán rất nhiều đất đai nên ông K để cho bà M đứng ra ký tên trong hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng chuyển nhượng và để bà M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ban đầu, mục đích nhận chuyển nhượng thửa đất này là để kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên, sau khi bàn bạc, ông K bà M đã thống nhất sử dụng miếng đất này để xây nhà ở ổn định. Chính vì vậy, ngày 19/11/2015, ông K bà M tiếp tục vay của Ngân hàng MB Bank số tiền 1,3 tỉ đồng để xây nhà. Vì đây là tài sản chung nên sau khi hoàn công nhà ngày 21/6/2016 bà M đã làm thủ tục chứng nhận bổ sung quyền sở hữu nhà ở và điều chỉnh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở từ của Bà Phạm Thị Tố M thành của chung Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M. Đến tháng 8/2017 tất toán khoản vay tại Ngân hàng MB Bank, và tháng 9/2017 vay ngân hàng SH số tiền 6 tỉ. Như vậy, cả quá trình đã thể hiện rõ tài sản tranh chấp là tài sản chung của ông K và bà M.

Bị đơn ông K trình bày: Đồng ý với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Ngân hàng SH đồng ý với bản án sơ thẩm, không có ý kiến gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử phúc thẩm".

Về nội dung vụ án: Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, do Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã rút kháng nghị nên không xem xét.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông K, thì Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông K, và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng của bị đơn ông K nộp trong thời hạn luật định và đã đóng tạm ứng án phí phúc thẩm, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn, phù hợp với quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo của bị đơn ông K, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

- Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát Tp Thủ Đức: Ngày 18/11/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã rút toàn bộ kháng nghị số 262/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 1408/2021/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất việc rút kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xét yêu cầu kháng cáo của Ông Trương Hồng K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu giao trẻ Trương Minh T, sinh ngày 08/4/2014 cho Ông Trương Hồng K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy việc bà M và ông K đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con là xuất phát từ tình thương, trách nhiệm của người làm cha làm mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, xét thấy trẻ Trí còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Bà M có thu nhập ổn định, có điều kiện kinh tế để đảm bảo cho việc nuôi con. Trẻ đang sinh sống, học tập ổn định với bà M, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông K về phần này.

Đối với yêu cầu xác định Nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh được tạo lập bởi một phần tài sản riêng của bà M và một phần từ nguồn tiền vay chung giữa ông K và bà M. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng quân đội, chỉ một mình bà M thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ kể cả lãi và gốc toàn bộ từ tài khoản riêng của mình, thậm chí đến khi tất toán xong khoản vay đối với Ngân hàng. Kể cả hiện nay, đối với khoản vay tại Ngân hàng SH Việt Nam cũng chỉ do một mình bà M thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai người nên khi ký hợp đồng với Ngân hàng thì cả hai cùng đứng ra ký tên vay chung. Ông K thừa nhận toàn bộ số tiền này giải ngân vào tài khoản của bà M và do một mình bà M sử dụng. Hiện tại, khoản vay này trả được bao nhiêu

ông cũng không rõ, như vậy ông K chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận, còn việc chịu trách nhiệm về tài sản và khoản vay trả nợ là bà M thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K xác định việc bà M một mình thực hiện việc vay ngân hàng, sử dụng số tiền vay cũng như nghĩa vụ thanh toán đối với ngân hàng, cho thấy ông K ngoài đứng tên trên giấy chứng nhận và đứng tên trên khoản vay, ông K không thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào cùng bà M tạo lập tài sản chung. Mặt khác, ông K không chứng minh được nguồn tiền đầu tư ban đầu cùng bà M vào việc mua đất, trong khi đó bà M chứng minh được nguồn tiền mua đất, xây dựng nhà và trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 235 Bộ luật Dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định nhà và đất là tài sản riêng của bà M là đúng, ông K kháng cáo yêu cầu xác định nhà và đất là thuộc sở hữu chung với tỉ lệ 50/50 nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh về nguồn gốc tạo lập cũng như thực hiện các nghĩa vụ đối với tài sản tranh chấp nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K.

[3] Về pháp luật áp dụng: Cấp sơ thẩm áp dụng Điều 219 và Điều 280 Bộ luật Dân sự để giải quyết là chưa đúng theo yêu cầu của các đương sự. Do đó, cần sửa án sơ thẩm về phần này.

[4] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, ông K xác định không yêu cầu chia tài sản chung, mà chỉ yêu cầu xác định tài sản tranh chấp là tài sản thuộc sở hữu chung với tỉ lệ mỗi người 50/50. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông K chỉ phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

Bản án sơ thẩm chấp thuận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng buộc bà M phải chịu án phí là chưa đúng. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà M không phải chịu án phí sơ thẩm. Do đó, cần sửa lại phần án phí sơ thẩm cho đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông K không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễm giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông K nộp chứng cứ vay giải ngân tại ngân hàng Eximbank. Các chứng cứ này không liên quan đến quá trình tạo lập nhà và đất tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 235 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Ban hành quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Hồng K. Sửa án sơ thẩm.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Tố M.

+ Công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của Bà Phạm Thị Tố M.

(Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CT 43445 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/2/2015, cập nhật biến động ngày 22/9/2017 cấp cho Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M và đã thế chấp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng mà Ông Trương Hồng K và Bà Phạm Thị Tố M đã giao kết với Ngân hàng SH Việt Nam theo hồ sơ số 27436.113648.TC.CVP).

+ Bà Phạm Thị Tố M có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng SH Việt Nam số tiền nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bà Phạm Thị Tố M còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bà M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì cho Ngân hàng Shinhan được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi các khoản nợ.

Trường hợp bà M thanh toán hết nợ mà không phải thực hiện việc phát mãi nhà và đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng SH Việt Nam có nghĩa vụ trả cho Bà Phạm Thị Tố M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cùng các giấy tờ liên quan mà Ngân hàng Shinhan Việt Nam đang giữ theo hợp đồng thế chấp như đã nêu ở trên và thực hiện thủ tục xóa thế chấp cho tài sản.

Sau khi trả xong các khoản nợ, Bà Phạm Thị Tố M được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký biến động (sang tên Bà Phạm Thị Tố M) theo quy định.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của Ông Trương Hồng K.

+ Không công nhận Bà Phạm Thị Tố M và Ông Trương Hồng K là vợ chồng.

+ Con chung: Giao con chung Trương Minh T, sinh ngày 08/4/2014 cho Bà Phạm Thị Tố M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà M về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

+ Tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc xác định tài sản chung (mỗi người 50/50 giá trị) đối với nhà đất tại 04 đường số 7, khu phố 5, phường AP, Quận A (nay là thành phố C), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Đình chỉ yêu cầu buộc bà M thanh toán số tiền 13,5 tỉ đồng mà ông đã nộp vào tài khoản công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Giao thông HG.

Các bên thi hành trực tiếp hoặc tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông K được chấp nhận nên Ông Trương Hồng K phải chịu án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027564 ngày 21/5/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận A (nay là Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Yêu cầu xác định tài sản thuộc sở hữu chung của ông K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được cấn trừ vào số tiền 60.750.000 (Sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí ông K đã nộp. Hoàn cho ông K số tiền 60.450.000 (Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2018/0027565 ngày 21/5/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận A (nay là Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn cho bà M số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027080 ngày 10/12/2019 và số tiền 59.000.000 (Năm mươi chín triệu) đồng bà M đã nộp theo biên lai thu số

AA/2018/0027081 ngày 10/12/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận A (nay là Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trương Hồng K không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn cho ông K số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số số AA/2018/0028785 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TPHCM,
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh